

Số: 07 /BC.DIC2 - HĐQT
No.

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 07 năm 2019
....., day month year

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 tháng đầu năm 2019)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - The State Securities Commission
- The Ha Noi Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng (DIC) số 2
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Số 5 đường 6 khu đô thị Chí Linh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại/ Telephone: 0643 613944 Fax: 0643 616365 Email: infor@dic2.vn
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 25.200.000.000 VND
- Mã chứng khoán/ Securities code: DC2

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	Nghị quyết số: 01/NQ-DIC No2-ĐHĐCĐ	26/04/2019	1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019, định hướng kế hoạch nhiệm kỳ 2019 - 2024. 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán. 3. Thông qua nội dung tờ trình sửa đổi bổ sung điều lệ công ty. 4. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn chức danh chủ tịch HĐQT, trưởng BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024. 5. Thông qua mức chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS 2019. 6. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2018, NK 2014 - 2019, định hướng nhiệm vụ năm 2019 và NK 2019 - 2024 của BKS 7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019 .

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Management (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Management:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
---------	-------------------------------	-------------------	---	--	-------------------------------	--

1	Phạm Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT		04/04	100%	
2	Trần Thanh Hải	TV HĐQT		04/04	100%	
3	Trần Văn Chung	TV HĐQT		01/04	25%	Bầu bổ sung từ 26/04/2019
4	Lê Duy Đông	TV HĐQT		03/04	75%	Hết nhiệm kỳ từ 26/04/2019
5	Nguyễn Thanh Bình	TV HĐQT		03/04	75%	Hết nhiệm kỳ từ 26/04/2019
6	Trịnh Văn Huỳnh	TV HĐQT		03/04	75%	Hết nhiệm kỳ từ 26/04/2019

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director):*

Thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc và công việc quản lý điều hành khác như:

Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định, quy chế quản lý của công ty trong quá trình điều hành của giám đốc.

Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin định kỳ và bất thường tới UBCK, HNX, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ... liên quan tới nội dung bắt buộc phải công bố thông tin.

Trong công tác quan hệ cổ đông: HĐQT công ty luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của công ty đến các cổ đông qua website công ty, công bố thông tin....

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees:* (không có)

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
I	Nghị quyết:		
II	Quyết định:		
1	Quyết định số: 01/QĐ-HĐQT	17/01/2019	Chi trả lương tháng 13 năm 2018 cho CBCNV.
2	Quyết định số: 02/QĐ-HĐQT	18/01/2019	Thành lập Ban Ép cọc và xử lý nền móng
3	Quyết định số: 03/QĐ-HĐQT	18/01/2019	Bổ nhiệm Trưởng Ban ép cọc và xử lý nền móng
4	Quyết định số: 04/QĐ-HĐQT	12/02/2019	Điều chỉnh mức lương làm căn cứ đóng BHXH theo mức lương tối thiểu vùng năm 2019.
5	Quyết định số: 05/QĐ-HĐQT	04/03/2019	Bổ nhiệm Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch.
6	Quyết định số: 06/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Thành lập Tổ đầu tư và thanh lý tài sản CCDC theo biên bản họp HĐQT số 03/BB-DIC No2-HĐQT ngày 14/03/2019.
7	Quyết định số: 07/QĐ-HĐQT	23/04/2019	Chi thường nhân dịp Lễ chiến thắng 30/4 và ngày Quốc tế lao động 1/5 năm 2019 cho CBCNV.
8	Quyết định số: 08/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo Pháp luật của công ty.
9	Quyết định số: 09/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Phân công nhiệm vụ cho cán bộ (TV HĐQT)
10	Quyết định số: 10/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm Kế toán trưởng
11	Quyết định số: 11/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ cho Giám đốc
12	Quyết định số: 12/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự.
13	Quyết định số: 13/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch.
14	Quyết định số: 14/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch.
15	Quyết định số: 15/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm Trưởng Ban ép cọc và xử lý nền móng.
16	Quyết định số: 16/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Bổ nhiệm Phó phòng Kế toán - Tài chính.
17	Quyết định số: 17/QĐ-HĐQT	16/05/2019	Thành lập Phòng Kinh tế - Kỹ thuật
18	Quyết định số: 18/QĐ-HĐQT	16/05/2019	Bổ nhiệm Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật.

19	Quyết định số: 19/QĐ-HĐQT	16/05/2019	Bổ nhiệm Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật.
20	Quyết định số: 20/QĐ-HĐQT	16/05/2019	Xếp lương cho cán bộ, nhân viên thuộc công ty.
21	Quyết định số: 21/QĐ-HĐQT	16/05/2019	Xếp lương cơ bản của Cán bộ công ty.

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Supervisory Board:

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS Day becoming/no longer member of the Supervisory Board	Số buổi họp BKS tham dự Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp Percentage	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Lê Thị Thìn	Trưởng BKS		01	50%	Trúng cử nhiệm kỳ mới từ 26/04/2019
2	Hoàng Thị Hà	Trưởng BKS		01	50%	Hết nhiệm kỳ từ 26/04/2019
3	Vương Thanh Hải	TV BKS		02	100%	
4	Phan Thị Thanh Loan	TV BKS		02	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:

Các hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát trong thời gian vừa qua:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên. Giám sát việc chấp hành Pháp luật của nhà nước, Điều lệ công ty. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty;

- Thẩm tra, rà soát Báo cáo tài chính năm 2018, báo cáo tài chính bán niên năm 2019, phối hợp với kiểm toán độc lập kiểm tra một số nội dung cần lưu ý, xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập, có ý kiến về những vấn đề kiểm toán lưu ý;

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông năm 2019 về tình trung thực, chính xác, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của công ty; Đề xuất lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC trong năm 2019.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:

Trong 6 tháng vừa qua, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành DIC số 2. Ban kiểm soát đã gửi Báo cáo kết quả sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ để HĐQT, BDH có những chỉ đạo kịp thời để giảm thiểu rủi ro.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Supervisory Board (if any): Không có.

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ Training on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng

Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *List of internal persons and their affiliated persons*

St t N o.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Gh i ch ú No te
1	Trần Thanh Hải		TV HĐQT			120.120	4,77%	
1.1	Nguyễn Thị Hằng		Vợ TV HĐQT			9.000	0,36%	
1.2	Trần Thanh Hiệp		Con TV HĐQT					
2	Lê Duy Đông		Giám đốc			6.240	0,25%	
2.1	Nguyễn Thị Thuý		Vợ Giám đốc			380	0,01%	
2.2	Lê Thái Hoà		Con G.đốc					
3	Lê Thị Thìn		Trưởng BKS					
3.1	Đào Thị Oanh		Mẹ Trưởng BKS					
3.2	Lê Thị Anh		Chị Trưởng BKS					
3.3	Lê Thị Mai		Chị T. BKS					
3.4	Lê Thị Hồng Ngọc		Chị Trưởng BKS					
3.5	Lê Quang Thành		Em Trưởng BKS					
3.6	Trần Văn Đạt		Chồng T.BKS					
3.7	Trần Lê Vân Khánh		Con T.BKS					

3.8	Trần Lê Tuệ Lâm		Con T.BKS				
4	Trần Văn Chung		TV HĐQT/ KTT			13.320	0,53%
4.1	Lâm Thị Thơ		Vợ TV HĐQT/ KTT				
5	Nguyễn Đức Hiệp		CBTT			5.580	0,22%
5.1	Hà Thị Thu Nguyệt		Vợ CBTT				
6	Vương Thanh Hải		TV BKS			60	0,002%
6.1	Nguyễn Công Dũng		Chồng TV BKS				
7	Phạm Thị Thanh Loan		TV BKS				
8	Phạm Đức Dũng		C.tịch HĐQT				
8.1	Trần Thị Hoàng Vi		Vợ TV HĐQT				
8.2	Vũ Thị Ngoan		Mẹ TV HĐQT				
8.3	Phạm Đức Mạnh		Em TV HĐQT				

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ *Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues: Không có*

